

Số: /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;
Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND Thành phố về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND Thành phố về tổ chức lại hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 746/TTr-SNNMT ngày 08/9/2025 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 592/TTr-SNV ngày 30/01/2026 về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 25/03/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Công an Thành phố;
- V PUBTP: CVP, các PCVP,
Các Phòng: NC, KT, NNMT, TTTTDL&CNS;
- Lưu: VT, NC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Đức Tuấn

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ BẢO VỆ
VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Điều lệ này quy định về nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, hoạt động, nguồn tài chính và cơ chế quản lý, sử dụng tài chính của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Hà Nội theo quy định tại Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Điều lệ này áp dụng đối với tất cả người lao động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Hà Nội và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quan hệ công tác với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Hà Nội.

Điều 2. Địa vị pháp lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Hà Nội

1. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Quỹ) là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; tổ chức, hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội quản lý, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định thành lập. Quỹ có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tại ngân hàng và Kho bạc Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

2. Tên gọi của Quỹ: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Hà Nội.

3. Tên giao dịch quốc tế: Ha Noi Forest Protection and Development Fund, viết tắt là: Ha Noi FPDF.

4. Trụ sở của Quỹ: tại Chi cục Kiểm lâm Hà Nội, Phường Kiến Hưng, Thành phố Hà Nội.

Chương II
NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA QUỸ

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

Nguyên tắc hoạt động của Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 95, Luật Lâm nghiệp, cụ thể:

1. Hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.

2. Chỉ hỗ trợ cho chương trình, dự án hoặc hoạt động phi dự án liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng đủ yêu cầu đầu tư.

3. Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả; quản lý, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4. Chức năng của Quỹ

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Hà Nội có chức năng tham mưu UBND Thành phố tổ chức, thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng; quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng và các nguồn tài chính hợp pháp khác phục vụ quản lý bảo vệ phát triển rừng, phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn Thành phố theo quy định tại Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Nhiệm vụ của Quỹ

Nhiệm vụ của Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 76, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, cụ thể:

1. Rà soát, ký kết hợp đồng, tiếp nhận và quản lý nguồn tiền ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng.
2. Vận động, tiếp nhận và quản lý các nguồn tài chính ủy thác khác; nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện, của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước.
3. Tiếp nhận, quản lý tiền trồng rừng thay thế.
4. Đại diện cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng ký hợp đồng với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng phải trả tiền ủy thác về Quỹ.
5. Làm đầu mối giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý sử dụng kinh phí quản lý, việc thanh toán tiền cho các hộ nhận khoán bảo vệ rừng của các chủ rừng có khoán bảo vệ rừng.
6. Tổ chức thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ.
7. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đối tượng được hưởng nguồn tài chính do Quỹ hỗ trợ.
8. Thực hiện các quy định của pháp luật về tài chính, thống kê, kế toán và kiểm toán; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng nguồn tài chính của Quỹ cho cấp có thẩm quyền theo quy định.
9. Kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về đối tượng, hoạt động được hỗ trợ từ Quỹ.
10. Báo cáo UBND Thành phố và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam về tình hình thu chi tiền dịch vụ môi trường rừng của địa phương hằng năm theo quy định.

11. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật có liên quan.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công của UBND Thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Chương III

BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA QUỸ

Điều 6. Cơ cấu tổ chức của Quỹ

Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ gồm có: Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ và Ban điều hành Quỹ.

Điều 7. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch UBND Thành phố phê duyệt theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ gồm 05 thành viên: Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, các Ủy viên Hội đồng.

a) Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường phụ trách lĩnh vực lâm nghiệp, kiểm lâm.

c) Các Ủy viên Hội đồng: Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Kỹ thuật và Chính sách Nông nghiệp và Môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Hà Nội.

2. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, nhiệm kỳ 05 năm.

3. Tiêu chuẩn bổ nhiệm, quy trình và các quy định về miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định về chủ trương, phương hướng, kế hoạch hoạt động; kiểm tra, giám sát việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nguyên tắc và chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Nguyên tắc làm việc:

a) Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện theo nguyên tắc thảo luận tập thể, dân chủ, tôn trọng ý kiến các thành viên, công khai, biểu quyết và quyết định theo đa số.

b) Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, đề cao trách nhiệm cá nhân của Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

c) Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo đúng thẩm quyền.

d) Văn bản do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ký, ban hành sử dụng con dấu của Quỹ và được lưu trữ theo quy định của pháp luật.

đ) Thành viên Hội đồng quản lý: Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND Thành phố về thực hiện nhiệm vụ được giao, kết quả công việc, ý kiến biểu quyết, bỏ phiếu thông qua quyết nghị, quyết định của Hội đồng quản

lý Quỹ. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật khi có việc làm trái với quy định pháp luật.

2. Chế độ làm việc:

a) Hội đồng quản lý Quỹ họp định kỳ mỗi quý 01 lần và họp đột xuất khi cần thiết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng hoặc kiến nghị của trên 30% thành viên Hội đồng quản lý hoặc đề nghị của Giám đốc Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo cơ chế tập thể và quyết định theo đa số trên cơ sở bỏ phiếu kín của các thành viên.

b) Các cuộc họp của Hội đồng được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ tham dự. Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có giá trị, hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ nhất trí thông qua. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bằng hình thức bỏ phiếu kín. Trường hợp có ý kiến trái ngược nhau mà tỷ lệ phiếu ngang nhau thì Hội đồng quản lý Quỹ quyết nghị theo bên có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Nội dung cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi thành biên bản và gửi đến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

c) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chỉ đạo, quản lý thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng; chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản lý và trước Chủ tịch UBND Thành phố. Khi Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ vắng mặt phải ủy quyền, ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch Hội đồng điều hành công việc thuộc quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và báo cáo kết quả giải quyết công việc khi Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có mặt.

d) Trường hợp có công việc cần giải quyết nhưng không thể triệu tập họp Hội đồng quản lý Quỹ ngay, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xin ý kiến thành viên Hội đồng quản lý Quỹ bằng văn bản và quyết định thực hiện công việc khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ nhất trí bằng văn bản. Trường hợp có ý kiến trái ngược nhau mà tỷ lệ ngang nhau thì quyết định theo bên có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

đ) Giám đốc Quỹ có trách nhiệm chỉ đạo chuẩn bị các nội dung, tài liệu, điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho các phiên họp Hội đồng. Hội đồng quản lý Quỹ được sử dụng bộ máy của Ban điều hành Quỹ để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Tổ chức, tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực do Nhà nước giao cho Quỹ để thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước giao hoặc đặt hàng.

2. Được sử dụng con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Ban hành các Quy chế liên quan đến hoạt động của Quỹ.

4. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban kiểm soát Quỹ theo đề nghị của Trưởng ban Kiểm soát Quỹ.

5. Thông qua việc phân cấp, điều chỉnh phân cấp giữa Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ trong việc quyết định hỗ trợ đầu tư, trước khi trình cơ quan thẩm quyền xem xét, quyết định.

6. Thông qua Kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ; việc tuyển dụng, ký hợp đồng lao động.

7. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và trách nhiệm cá nhân về phân việc được phân công trước Chủ tịch UBND Thành phố và trước pháp luật.

8. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm khác theo ủy quyền của UBND Thành phố nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ, cùng Giám đốc Quỹ ký tiếp nhận các nguồn vốn và nguồn lực khác.

2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 17 Điều lệ này.

3. Quyết định mức chi lương, phụ cấp kiêm nhiệm của bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ.

3. Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền hủy bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật.

4. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc cho ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về các công việc được ủy quyền.

6. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó chủ tịch Hội đồng; các Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Đề xuất với Chủ tịch Hội đồng nội dung và các vấn đề thảo luận ở Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Góp ý kiến, biểu quyết về những vấn đề đưa ra thảo luận trong các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Thực hiện bảo mật các thông tin được cung cấp theo quy định pháp luật.

5. Thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký Hội đồng quản lý Quỹ

1. Tổng hợp thông tin về tổ chức hoạt động của Ban điều hành nghiệp vụ Quỹ báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.
2. Chuẩn bị chương trình nghị sự, nội dung, tài liệu, gửi giấy mời họp và làm thư ký các cuộc họp, phiên họp của Hội đồng quản lý Quỹ. Ghi biên bản cuộc họp, phiên họp Hội đồng quản lý Quỹ; tổng hợp trung thực, đầy đủ ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ; chuẩn bị Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ để báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, ký ban hành Nghị quyết.
3. Chuẩn bị các báo cáo, giải trình với cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan liên quan theo phân công của Chủ tịch Hội đồng.
4. Thực hiện lưu trữ các văn bản của Hội đồng quản lý Quỹ.
5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 13. Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát Quỹ tối đa 03 thành viên, giúp Hội đồng quản lý Quỹ giám sát các hoạt động của cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo cơ chế kiêm nhiệm.
2. Trưởng Ban kiểm soát Quỹ do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.
3. Các thành viên khác của Ban kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát Quỹ.
4. Ban Kiểm soát Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND thành phố, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
5. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát Quỹ là 05 năm.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát Quỹ

Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Ban kiểm soát còn có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chủ trương, chính sách, quy định của pháp luật, quyết định và nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ, trong quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.
2. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về công tác tài chính, kế toán, kiểm toán của Quỹ; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ theo quy định.
3. Báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của Quỹ định kỳ thông qua các kỳ họp của Hội đồng quản lý Quỹ (nếu có).
4. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành Quỹ.
5. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

6. Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về những tiêu cực, bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện về các thiệt hại của Quỹ, nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ.

7. Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát Quỹ có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ để xin ý kiến chỉ đạo.

Điều 15. Ban điều hành và bộ phận chuyên môn

1. Ban điều hành và bộ phận chuyên môn, gồm có: Giám đốc, các Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng và bộ phận chuyên môn.

a) Giám đốc, các Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Bộ phận chuyên môn, gồm: Công chức và hợp đồng lao động thuộc các Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, thực hiện chế độ làm việc kiêm nhiệm. Hợp đồng lao động chuyên môn do Giám đốc Quỹ đề xuất, báo cáo Chủ tịch Hội đồng Quỹ chấp thuận, đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định và ký hợp đồng.

2. Cán bộ và lao động hợp đồng chuyên môn của Ban điều hành Quỹ có trách nhiệm tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ giao, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

3. Việc tuyển dụng, quản lý sử dụng, thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động của Quỹ thực hiện theo Điều lệ Quỹ, Quy chế hoạt động của Quỹ và theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là thành viên Hội đồng quản lý Quỹ (kiêm thư ký), là người đại diện trước pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ. Giám đốc Quỹ do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

2. Giám đốc Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong các hoạt động tố tụng, tranh chấp, giải quyết những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ.

b) Xây dựng phương án hoạt động, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm; xây dựng kế hoạch huy động vốn, kế hoạch tài chính trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua.

c) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các Chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.

d) Căn cứ Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Hội đồng quản lý Quỹ, ban hành quy trình nghiệp vụ hoạt động của Quỹ.

đ) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về các hoạt động của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND Thành phố và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam.

e) Đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường bổ nhiệm Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng Quỹ.

g) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ ủy nhiệm nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và quy định của pháp luật hiện hành.

h) Trực tiếp quản lý, điều hành tổ chức bộ máy, khen thưởng, kỷ luật theo phân cấp và quy định của pháp luật hiện hành.

i) Quản lý tài sản, tài chính và tổ chức triển khai thực hiện chính sách liên quan đến người lao động theo quy định của pháp luật và phân cấp của UBND Thành phố.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Giám đốc Quỹ

1. Giúp Giám đốc Quỹ quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công, ủy quyền của Giám đốc. Trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực nghiệp vụ được phân công. Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về phần việc được Giám đốc phân công phụ trách.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng giúp việc cho Giám đốc Quỹ, có trách nhiệm quyền hạn theo quy định của Luật kế toán và các văn bản quy định có liên quan.

2. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Kế toán trưởng Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Kinh phí hoạt động, chế độ lương, phụ cấp của Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Quỹ và cán bộ chuyên môn.

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ, Ban điều hành Quỹ và cán bộ chuyên môn được tính vào chi phí quản lý Quỹ.

2. Các thành viên chuyên trách được hưởng chế độ tiền lương, tiền thu nhập tăng thêm, tiền thưởng, tiền phụ cấp theo quy định hiện hành đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Mức chi phụ cấp kiêm nhiệm đối với các thành viên Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Quỹ và cán bộ chuyên môn do Giám đốc Quỹ căn cứ vào nhiệm vụ được giao của từng thành viên và khả năng tài chính của Quỹ để xây dựng mức chi cho phù hợp, nhưng không quá 30% mức lương, phụ cấp lương của mỗi thành viên làm việc kiêm nhiệm, trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định phê duyệt.

Chương IV

NGUỒN TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI CHÍNH CỦA QUỸ

Điều 20. Nguồn tài chính của Quỹ

Nguồn tài chính của Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 79, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, cụ thể:

1. Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng; tiền ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng.
2. Tiền trồng rừng thay thế do chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.
3. Tiền viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.
4. Nguồn hỗ trợ từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam.
5. Lãi tiền gửi các tổ chức tín dụng.
6. Các nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước.

Điều 21. Nội dung chi của Quỹ

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 80, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, cụ thể:

1. Chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng; chi thực hiện các nhiệm vụ ủy thác theo hợp đồng ủy thác khác từ nguồn kinh phí được quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 79 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.
2. Chi tiền trồng rừng thay thế do chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định từ nguồn kinh phí được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 79 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.
3. Chi hỗ trợ cho các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án từ nguồn kinh phí được quy định tại các điểm c, d và e khoản 2 Điều 79 của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, bao gồm: hỗ trợ kinh phí để chống chặt phá rừng, kinh doanh, vận chuyển lâm sản trái phép; tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện chính sách pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; thử nghiệm và phổ biến nhân rộng mô hình bảo vệ và phát triển rừng, quản lý rừng bền vững; thử nghiệm, ứng dụng giống cây lâm nghiệp mới; hỗ trợ trồng cây phân tán; phát triển lâm sản

ngoài gỗ trên đất lâm nghiệp; đào tạo nguồn nhân lực cho việc bảo vệ và phát triển rừng ở cơ sở và hỗ trợ các hoạt động khác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng.

4. Chi hoạt động của bộ máy Quỹ từ nguồn kinh phí quản lý dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ và được sửa đổi bổ sung tại điểm b khoản 30, Điều 1, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; từ nguồn kinh phí quản lý theo hợp đồng ủy thác; lãi tiền gửi; nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Nội dung chi, mức chi hoạt động bộ máy Quỹ thực hiện theo quy định hiện hành. Trường hợp pháp luật chưa có quy định nội dung chi, mức chi, căn cứ khả năng tài chính, Quỹ xây dựng nội dung chi, mức chi trong quy chế chi tiêu nội bộ; quyết định việc chi tiêu và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 22. Lập kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính, quyết toán

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 81, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, cụ thể:

1. Hằng năm, Quỹ lập kế hoạch tài chính gồm: kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng và các nguồn tài chính khác; dự toán chi hoạt động của Quỹ thông qua Hội đồng quản lý Quỹ, trình UBND Thành phố quyết định.

2. Hằng năm, Quỹ lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định của Pháp luật về tài chính kế toán hiện hành. Sở Nông nghiệp và Môi trường xét duyệt báo cáo quyết toán đối với Quỹ.

3. Việc giao quyền tự chủ tài chính cho Quỹ thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương V

QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG PHI DỰ ÁN

Điều 23. Phương thức và nội dung hỗ trợ tài chính

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, điểm b, khoản 2, Điều 83, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư việc thực hiện các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án.

2. Các nội dung được hỗ trợ: Các hoạt động quy định tại điểm c khoản 2 Điều 80 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

Điều 24. Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 84, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, cụ thể:

1. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có nhu cầu hỗ trợ gửi văn bản đề nghị hỗ trợ, kèm theo văn kiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ban điều hành Quỹ.

2. Trước ngày 25 tháng 02 hằng năm, Ban điều hành Quỹ chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức thẩm định, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, trình UBND Thành phố phê duyệt.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, sau khi UBND Thành phố phê duyệt, Giám đốc Quỹ thông báo qua dịch vụ bưu chính cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được hỗ trợ biết đề triển khai thực hiện.

Điều 25. Triển khai các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án

Thực hiện theo quy định tại Điều 85, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, cụ thể:

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện các chương trình, dự án, các hoạt động phi dự án theo quyết định được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc thành lập ban quản lý để tổ chức triển khai thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 26. Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 86, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, cụ thể:

1. Ban điều hành Quỹ chỉ đạo thực hiện, kiểm tra tình hình thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được Quỹ hỗ trợ theo định kỳ hoặc đột xuất.

2. Trường hợp cần thiết, Ban điều hành Quỹ được thuê tư vấn để kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ.

**Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 27. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 28. Tổ chức lại, giải thể

Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị UBND Thành phố quyết định; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật. Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới Ban điều hành và bộ phận chuyên môn do Giám đốc Quỹ quyết định sau khi được Hội đồng quản lý Quỹ thống nhất; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Hội đồng quản lý Quỹ; Ban kiểm soát Quỹ; Ban điều hành nghiệp vụ Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Điều lệ này.

Điều 30. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ này, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ,

đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.